

Lửa Tết

Bình - nguyên Lộc

Nỗi khổ của tôi bắt đầu từ hôm bíc-níc ấy. Tôi có mang theo bánh mì, lạp xưởng và nước trà nóng đựng trong bình thủy, nên khỏi phải làm việc. Chính anh Minh, ba của con bé Liên của chúng tôi, đã đòi hỏi như vậy, anh ấy cho rằng ăn bánh mì tuy không ngon bằng ăn cơm nhưng anh ấy không muốn thấy tôi cực nhọc cả trong ngày nghỉ cuối tuần nữa.

Chúng tôi câu cá tại bờ con rạch nhỏ, nơi mà chúng tôi cắm trại, trong khi bé Liên đuổi bướm và bắt chuồn chuồn. Thật ra thì câu cá chỉ là cái cớ để vợ chồng chúng tôi tắm nắng một cách nên thơ vậy thôi chứ hình như là cá nó thù, hoặc nhòm chúng tôi hay sao ấy mà không bao giờ chúng nó cắn câu của vợ chồng tôi. Và, nếu may mắn (hay rủi ro?) mà được cá thì chắc anh Minh, anh ấy sẽ bối rối ghê lắm vì một mặt anh ấy cưng vợ, một mặt anh ấy tiếc cá, cứ muốn bắt tôi kho hay chiên gì đó.

Ấy, anh Minh hơi gàn gàn, nhưng tôi không dè mà anh ấy lại gàn đậm kể từ hôm đó.

Chẳng, sau hai tiếng đồng hồ làm ông già sông Vị, anh ấy đâm chán và rủ tôi vào xóm. Đi thì đi, bởi tôi cũng nghe da mặt nóng lấm rấm rồi, má tôi rất râm lên vì bị nắng đốt nhiều giờ rồi.

Trên con đường mòn ngoằn ngoèo đưa vào cái ấp lón thoáng thấy đặng kia, chúng tôi gặp một nếp nhà tranh vừa cất xong, chưa ở. Nhà trống trơn và cửa phen tre dựng bên vách hông nhà, cho chúng tôi thấy rõ bên trong: Giữa gian nhà giữa, trên nền đất, một lò lửa đã tàn lụn nhưng than còn ngùn trên tro. Hai bên lò lửa là một lu nước đầy gần tràn và một khạp gạo đầy nhóc.

Thuở bé tôi ở thôn quê, nên biết rằng đó là những món tượng trưng cho sự đầm ấm và sung túc mà người ta bày ra giữa nhà mới, hăm bốn tiếng đồng hồ trước khi vào ở, để cầu một đời ấm no và vui vẻ về sau.

Anh Minh say sưa nhìn bếp lửa và lu nước rồi nói, như nói một mình: „Ta có danh từ nước lửa, danh từ ấy chỉ hai thứ thiên tai mà ta rất sợ. Nhưng ...

Giây lát sau, tôi đi vào ấp với bên cạnh tôi, một người bạn đời thành lình mắc bệnh á khẩu. Nếu không có bé Liên cái miệng tía lia, cả ba chúng tôi giống một đoàn người đi đưa đám ma mà giữ lễ theo phép lịch sự Âu châu.

Tới đầu xóm, anh Minh nói bằng giọng ra lệnh:

- Từ rày có đi bíc-níc, nên mang gạo, mang nồi theo để thổi nấu, cấm nhặt em cho gia đình ăn bánh mì, lạp xưởng hoặc bánh hỏi thịt quay.

Tôi cười mà rằng:

- Trước đây thì cấm thổi nấu, cho đến ăn cơm mo, cơm vắt, làm sẵn ở nhà, anh cũng cấm. Giờ thì... trái hẳn lại. Nhưng không hề gì, em sẽ chiều ý anh.

Anh Minh không chịu vào xóm, đứng đó mà ngắm cái gì rất lâu không rõ, đoạn đưa mẹ con chúng tôi trở về lều. Anh ấy đã vui tươi trở lại và không khí buổi ăn trưa hôm ấy bình thường nếu không có cái lịnh mới này. Anh ấy hỏi:

- Thùng dầu lửa ở nhà đã hết rồi chớ? Anh nhớ hình như hôm qua em có dặn anh chở chiếc thùng không lại cây xăng gần nhà để đóng thêm mười tám lít?
- Đúng như vậy, và chiều nay, về Sài Gòn, anh nhớ cho, kéo mai không có dầu mà nấu ăn.
- Không, không nấu bằng dầu lửa nữa. Chiều nay anh sẽ ghé chợ để mua một tạ than đước với hai cái lò đất nung. Cho cái lò dầu lửa về hưu đi.

Tôi hơi lo. Chồng tôi chỉ làm việc vừa chừng thôi, không hề gặp rắc rối sinh kế hay tình cảm nào, trong họ nhà chồng tôi cũng không nghe nói có người nào điên. Nhưng sao lại có cái lịnh kỳ dị này? Than đước một tạ sáu trăm đồng, nấu chỉ có một tháng là hết sạch. Trong cái thời gian ấy thì nấu đốt lò bằng dầu lửa, chỉ phải tốn có trăm sáu thôi. Nhưng rồi anh Minh đi hái hoa dại cho mẹ con tôi, nên tôi lại an lòng được vì một kẻ hóa điên thành lành, không hề nghĩ đến sự bội lộ tế nhị của tình thương yêu như thế đâu.

Chiều lại, chúng tôi về tới Sài Gòn là đã sáu giờ rồi. Theo chương trình thì chúng tôi đi ăn hiệu, nhưng anh Minh lại đổi chiến lược vào phút chót, có lẽ vì... "lý do kỹ thuật" chẳng? Anh bỏ mẹ con tôi tại một góc phố kia, bảo gọi xích-lô đạp mà về nhà, còn anh ấy thì phóng xì-cút-tơ đi mua lò đất nung và than đước. Thì ra cái vụ than đước này không phải là lời đùa đâu mà là cả một kế hoạch nghiêm trang. Đã hơn sáu giờ rồi. Vào giờ này mà bắt vừa than họ chở than tới nhà, mà phải chở tốc hành, không thôi tới nửa đêm, để thường chưa có cơm mà ăn, thì họ sẽ tính tiền chở gấp ba cho mà coi!

Lại không có gì mà ăn nữa. Má tôi ở nhà, nhưng bà cụ chỉ cần một đĩa cá kho mặn mà thôi. Rồi anh ấy lại kêu là nuốt không trôi! Vào giờ này, còn chợ búa đâu để mà mua thịt, mua cá? Rõ khổ! Tôi không ngại phải nấu bữa ăn tối này. Đi ăn hiệu là tại anh ấy bày đặt cho tốn tiền chớ tôi đã đề nghị từ lâu là làm sẵn vài món ăn hồi trưa thứ bảy, chiều chúa nhứt về tới nhà, chỉ còn việc hâm lại cho nóng mà thôi. Mà cũng không phải là tôi hâm nữa. Má tôi ăn cơm hơi sớm, ăn xong, bà hâm giùm tôi là kịp lúc chúng tôi về đến nơi.

Anh Minh mới có bẩy hai tuổi mà đã gàn ra thì sống chung với anh ấy thêm hai ba mươi năm nữa, tôi chịu sao thấu hờ trời!

Kỳ lạ nhất là khi má tôi nghe tôi kể chuyện điên của „ông“ rở gàn của bà, đôi mắt bà lại sáng lên. Má tôi ở thôn quê không được yên, nên anh Minh anh ấy rước bà lên đây từ ba năm nay. Chú rể quý ấy được má tôi cưng ghê lắm. Anh ấy có nịnh má tôi chẳng? Hình như là không vì bà cũng chẳng còn tài sản gì để anh ấy phải dùng thủ

đoạn hầu hưởng một phần gia tài lớn hơn phần của người anh cả của tôi. Biết vậy, nên tôi tủi thân lắm, buổi đầu mà má tôi lên đây. Má tôi không cưng anh ấy vì sự nịnh nọt của anh ấy, thì tức là cưng anh ấy vì lòng thương, mà lại thương anh ấy nhiều hơn là thương tôi nữa. Nói thì nói chớ tôi cũng lo tắm rửa cho bé Liên, còn chính tôi thì tôi bỏ tắm chạy lại hiệu chạp phở ở đầu phố để mua trứng vịt, hàm-yũ để phụ thêm với món cá kho muôn năm của má tôi, cho mâm cơm ra vẻ một chút.

Giây lâu sau, xe ba bánh đưa than về và má tôi chạy ra cổng rước than như dân đi tiếp rước quan to, hồi tiền chiến. Chính má tôi đốt lò, quạt than và vo cơm, rồi bà không chịu rời nhà bếp nữa.

Bữa ăn hôm ấy, tôi không vui vì bị giá của tạ than được ám ảnh. Tôi phân trần với má tôi:

- Má coi ! Than mắc tiền bằng ba lần dầu lửa, vậy mà...

Anh Minh cười hề hề, chặn lời tôi:

- Có lần em đã nói: „Thôi, em không học may áo đầm cho bé Liên đâu. Mình học chăm thế nào cũng không giỏi bằng thợ mà họ may sẵn bày bán ở các hiệu, còn rẻ hơn là chính mình may lấy nữa. Em đã nói sai.”

Má tôi đã phụ họa theo:

- Ủ, con sai lắm. Đâu có phải như vậy.

- O kìa, em nói chuyện than được kia mà, mắc mớ gì đến áo đầm chớ ?

- Than được, tức là áo đầm đó.

- Ủ, cha con Liên nói có lý. Má tôi lại phụ họa theo anh ấy.

Má tôi đã già nên lắm cảm, thì còn nhịn được, chớ anh Minh mà nói chuyện tầm ruồng như thế, là anh ấy sắp đi nhà thương Biên hòa rồi vậy. Tôi kinh ngạc, nhìn anh ấy trờng trờng. Anh ấy lại cười hề hề mà rằng:

- May áo đầm, thật ra, không phải là may áo đầm.

Tôi sợ quá. Rõ ràng là anh Minh hóa điên. Nhưng tôi cũng hỏi:

- Chớ là gì?

- May áo đầm là một qui phạm.

- Qui phạm là gì?

- Là một kỷ luật mà ta cố theo, và kỷ luật ấy luyện cho ta vào cái nếp nội trợ.

- Chớ em không làm nội trợ à?

- Không, em chỉ làm nội trợ miễn cưỡng mà thôi. Em thích đi làm thu ngân viên hơn. Em có óc công nhân, chớ không có óc nội trợ đâu. Ai lại không biết rằng học chăm đến đâu cũng không giỏi bằng thợ, rằng ta hà tiện vải đến đâu, áo may cũng không rẻ bằng áo mua, họ may hàng nghìn cái nên giá vốn rất hạ. Nhưng khi may áo cho con, em sẽ để tấm lòng thương yêu con vào đó, em sẽ cố gắng và sẽ mến được cái

qui phạm may áo và ngày kia em được đưa vào nếp nội trợ, em làm nội trợ một cách vui thích, nhớ công việc nội trợ như các cô đào nhớ đèn sân khấu mỗi đêm.

- Chồng con nó nói đúng đó con à. Má tôi ủng hộ anh chồng gàn của tôi và bỏ rơi tôi.

Tôi giật nảy mình trước một điều vô cùng mới lạ mà tôi nghe chồng tôi nói lần đầu: may áo, không phải là may áo, mà là một qui phạm nó luyện tính con người. Tôi giật mình vì đã có lần tôi đã chèn nhà binh sao cứ bắt lính mới, tập đi ọt, đơ mãi cho tốn thì giờ, và cậu tôi giải thích: “Đi ọt, đơ, thật ra không phải là đi ọt, đơ. Đó là một qui phạm nó luyện cho các tân binh chịu đựng được kỷ luật nghiêm khắc của nhà binh”.

Nhưng dầu vậy tôi vẫn không chịu thua, cố cãi:

- Nhưng may áo dầm, sao lại là than đước đước! Anh khéo nói điên!

Anh Minh lại cười, hề hề:

- Bởi vì than đước, thật ra không phải là than đước.

- Nữa, lại cái luận điệu đó nữa.

- Chớ sao, vì luận điệu đó tốt. Em có biết thành ngữ “Ăn lông ở lỗ” hay không?

- Anh đi xa vấn đề quá rồi !

- Đâu có xa. Trước khi loài người “ở lỗ” họ rày đây mai đó. Họ không có đời sống gia đình. Khi họ phát kiến ra LỬA rồi thì họ mới định cư lại, chưa biết cất nhà thì họ tìm hang mà ở, lập gia đình, rồi đêm ngày nhen nhúm lửa thiêng, đòi đòi kiếp kiếp nuôi nắng lửa để ấm hang, nuôi nắng tình gia đình để ấm lòng. May áo và nhúm lửa là ý niệm gia đình, không may áo, không nhúm lửa, không xong. Anh chợt nhớ ra sự thật ấy khi ta bắt gặp nếp nhà tranh mới cất và chủ nhà nguyền cầu, thể bồi bằng nước, lửa và gạo, nguyền cầu được no ấm, thể bồi nỗ lực cho gia đình được no ấm.

- Nhưng, dầu lửa lại không là lửa à? Tôi lại cãi.

- Không. Em đã không thấy má đã dành đốt lò với em đó sao?

- Ủ, tao nhớ lửa lắm, thềm lửa lắm. Má tôi xác nhận.

Chồng tôi diễn thuyết:

- Lửa thiêng của gia đình, phải bốc khói, khói ấy phải quyện lấy mái tranh. Ta ở thành phố, không thể mong hưởng những thứ ấy thì lửa, ít ra, cũng phải nổ lách tách trong lò, và tiết ra mùi cây cỏ. Ở miền Nam ta, có người gọi dầu lửa là dầu hôi, và quả nó hôi thật. Nhưng lửa thiêng của gia đình phải thơm, thơm mùi thảo thụ. Dầu sao nhìn lửa than cũng vui mắt hơn, nghe nó có linh hồn hơn, nó gọi nhớ sự sống hơn. Chiếc áo mà chính tay em may sẽ mang cái bản ngã của em, dầu nó không được đẹp lắm, chớ không nặc danh như những chiếc áo khéo, mua ở hiệu. Chiếc bánh phở-lãng do chính tay em làm, có cháy khét đi nữa, cũng được hương vị của tình thương của em đối với gia đình, chớ không vô hồn như bánh đết-se của các hiệu ăn sang trọng.

Má tôi nói:

- Tao thì tao thềm nấu bằng củi hơn. Khói củi thơm hơn khói than. Chiếc áo bà ba này, tao đã may một tháng mới xong, nhưng...
- ...nhưng nó quí ở chỗ nó mang nhãn hiệu "BÀ NGOẠI CỬA BÉ LIÊN" ? Tôi hỏi đùa.

Má tôi và anh chồng gàn của tôi đồng cười xòa, rồi má tôi chầm rãi tuyên truyền cho tôi nghe:

- Nè, củi mỗi thứ mỗi khác đó nhé. Củi bấp phoi khô để làm củi, thì ngọn lửa xanh như lửa đèn cầy. Vỏ măng cụt phoi khô, chụm nó nổ lách tách y như than Cà mau. Củi nhánh sao chết rụng trên vệ đường, nó cháy rụi tỏa ra cái mùi của thời tiết gió bắc về. Còn mấy biết củi gì thơm ngát hay không? Đó là dăm tiện.
- Dăm tiện là gì má? Chồng tôi hỏi.
- Muốn làm những vật dụng tròn như kiếu chơn bàn, chơn ghế kia chẳng hạn, thợ tiện họ đưa cây vào máy tiện, cây nó mới tròn trịa đều đặn được, chớ thợ mộc tài nào mà traу giỏi cho nó tròn. Các món đồ tiện, luôn luôn là vật dụng quí nên được làm bằng đủ thứ gỗ quí: trắc, cẩm lai, huỳnh đàn, cho nên dăm tiện nó thơm dữ lắm, thơm cái mùi hỗn hợp của đủ loại gỗ mắc tiền. Lửa củi đã thơm mà hình thù của nó cũng hay lắm. Nó cháy lên, mình thấy được, chớ không vô hình như lửa của các lò dầu lửa đâu. Nhìn ngọn lửa cũng ngộ, nhìn màu lửa còn ngộ hơn. Mà hay nhất là lửa củi không chết.

Bé Liên ngờ ngác hỏi:

- Lửa cũng chết nữa sao, bà ngoại?
- Sao lại không? Lửa lò dầu, nấu xong bữa ăn là nó tắt liền, vì ta phải tắt nó, kéo hao dầu. Lửa củi đâu có như vậy. Nấu ăn xong thì người ta vùi củi dưới tro. Tro xấp lắm, nên than củi âm ỉ cháy tối ngày sáng đêm, bước vô nhà bếp thì nghe ấm liền, ấm thật sự, mà cũng ấm cúng nữa. Nhà bếp ở đây lạnh tanh từ đứng ngo cho tới năm giờ chiều, nhà nào cũng vậy. Bước vào các nhà bếp ở đây, nghe ớn ớn nơi xương sống như là vô nhà hoang chết chui!

Tôi ao ước từ mấy năm nay một bộ lò điện mà anh Minh chưa đủ khả năng tài chánh để thỏa mãn giấc mơ của tôi. Lò điện tiện và sạch hơn lò dầu lửa nhiều lắm. Nhưng bỗng tôi nghe hết ham cái tiện nghi văn minh đó nữa.

Tôi đã cười đùa chồng tôi vì anh Minh chỉ biết ra lệnh và nói lý thuyết. Má tôi dốt lý thuyết nên bà chỉ tả mà thôi, và quả tôi bỗng nghe thoang thoang mùi lửa dăm tiện đâu đây, cái mùi vô cùng đặc biệt thường nghe thuở bé, hồi còn sống trong làng.

Má tôi lại nói:

- Ở đây sao mà lạ quá, không có mùi gì hết, hay chỉ có hai thứ mùi, mùi nước hoa và mùi ống cống. Mùi hay lắm. Mùi đất xông lên, sau đám mưa đầu mùa nè, mùi bông bưởi, bông sao nè, mùi củi cây rừ rừ nè, mùi lúa chín nè, mùi rơm khô nè, mùi

phân chuồng nè, mùi rau, đậu tươi nè. Nói tới đây sao mà tao bắt nhớ nhà chịu không thấu nữa ! Con Liên, chắc ngày sau, nó đi đâu ở cũng được, vì thành phố không có cái gì làm cho nó nhớ hết.

- Có chớ, bà ngoại ! Liên cãi.
- Có cái gì? Má tôi hỏi.
- Có kem nè, có xi-nê nè, có đèn màu nè!
- Rồi cháu sẽ thấy rằng những thứ ấy không gọi nhớ đâu.
- Chớ cái gì gọi nhớ hờ bà ngoại?
- Mùi vị khác kia, như mùi khói đống un lá chét vào mùa gió bắc mà người ta un lên để hơ ấm, bởi vì mùi đó còn dính lúu tới những cái khác nữa, mà nhiều thứ mới họp lại thành một nỗi nhớ được.
- Thứ nào với thứ nào bà ngoại?
- Nhiều thứ lắm, bà không biết nói ra. à... ờ... thí dụ như lửa Tết, lửa đêm ba mươi nấu bánh tét, quanh lò lửa lớn ấy có mặt đông đủ cả nhà, ai đi mần ăn xa ở đâu, cũng phải về, đông đủ cả nhà mà đôi khi đông đủ cả họ nữa, vì có những bà con nghèo, không gia đình, không nhà cửa, họ xin hưởng ké sự ấm cúng của bất cứ người nào trong họ mà có được một bếp lửa.
- Còn thứ gì nữa bà ngoại?
- Còn lu bù thứ. Cả nhà họp mặt đông đủ thì vui, nấu nướng suốt đêm các món ăn ngon, kể cho nhau nghe chuyện mần ăn của mình ở xa, nhắc lại chuyện ăn Tết ngày xưa của ông bà tổ tiên. Đêm cuối năm gió lạnh lắm, mà quây quần quanh bếp lửa, ấm ghê đi. Nhà có nhúm lửa, nghe như là sung túc, mà nhúm những bếp lửa lớn, nghe càng sung túc hơn. Đó rồi thì ngày mai lại, lửa cháy trong bếp suốt ba ngày ba đêm, không được hạ ngọn phút nào hết, cho nó vui. Ở làng, người ta cất nhà lớn, nhưng cả nhà đều ở sau bếp, không phải sợ nhà trên mòn mà không dám ở, mà vì nhà bếp vui hơn, mà vui hơn là nhờ lửa.

Tôi cãi:

- Nhưng ở đây, chật hẹp như vậy, dầu cho có ghiền khói, ghiền lửa như má, cũng không làm sao mà...
- Ủ, nhưng nấu than cũng tạm an ủi được phần nào.

Chồng tôi nhìn tôi mà cười, đắc thắng.

(Cuống rún chưa lia)